

Quản lý tôn giáo ở Việt Nam: Từ pháp lý, lịch sử, Phật học đến quản trị nhà nước

ISSN: 2734-9195 14:50 21/04/2025

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, quản lý tôn giáo tại Việt Nam cần tiếp tục cải cách theo hướng tôn trọng tự do tín ngưỡng, bảo vệ quyền con người, và thúc đẩy sự đóng góp tích cực của tôn giáo vào phát triển bền vững.

Tác giả: **Chánh Tâm Hạnh**
LB, MBA, NCS TS Học viện PGVN tại TP.HCM

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có từ rất sớm trong lịch sử nhân loại, gắn liền với đức tin, văn hóa, đạo đức và đời sống tinh thần của con người.

Trong bối cảnh hiện đại, tôn giáo không chỉ dừng lại ở lĩnh vực tâm linh, mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế, chính trị, pháp luật và quản trị xã hội.

Trước ảnh hưởng to lớn đó, khái niệm “*quản lý tôn giáo*” trở thành một chủ đề phức tạp, đòi hỏi tiếp cận đa chiều từ các ngành luật học, lịch sử, tôn giáo học, quản trị công, và đặc biệt là Phật học trong bối cảnh Việt Nam.

Mục tiêu của bài viết này là làm rõ khái niệm “*quản lý tôn giáo*”, từ đó phân tích các đặc trưng, nguyên tắc và cơ chế quản lý tôn giáo tại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt chú trọng đến thực tiễn quản lý Phật giáo – một tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống văn hóa dân tộc.

Việc triển khai bài viết dưới góc nhìn của một luật sư, nhà sử học, nhà Phật học và nhà quản lý nhà nước giúp tạo ra cái nhìn tổng thể, toàn diện, khách quan và có chiều sâu.

1. “*Quản lý tôn giáo*”: Tiếp cận pháp lý và lý luận

“*Quản lý tôn giáo*” là hoạt động của nhà nước - của chính phủ - bằng công cụ pháp luật và hành chính nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực tôn giáo, bao gồm quyền tự do tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tài sản, đất đai, nhân sự và quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn

giáo.

Theo Lê Minh Tâm (2018), quản lý tôn giáo là một phần của quản lý nhà nước nói chung, nhưng có những đặc thù riêng về đối tượng, phương pháp và nguyên tắc (Lê, 2018, tr. 486).

Theo Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016, hoạt động quản lý tôn giáo bao gồm: cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, công nhận tổ chức tôn giáo, bổ nhiệm – bầu cử – phong chức sắc, quản lý tài sản, hoạt động từ thiện, giáo dục tôn giáo, xuất bản và quan hệ quốc tế (Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo, 2016).

“*Quản lý tôn giáo*” không chỉ điều chỉnh các hành vi hành chính thông thường mà còn liên quan đến đức tin – vốn là vấn đề mang tính thiêng liêng, trừu tượng. Các chính sách tôn giáo ảnh hưởng đến hòa bình xã hội, đoàn kết dân tộc và phát triển bền vững. Nhà nước vừa phải bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng theo Hiến pháp, vừa phải ngăn ngừa việc lợi dụng tôn giáo để gây mất ổn định.

2. Phát triển khái niệm qua các thời kỳ lịch sử

a. Giai đoạn phong kiến

Trong xã hội phong kiến, tôn giáo (đặc biệt là Phật giáo và Nho giáo) gắn liền với triều đình. Quản lý tôn giáo thực chất là “*quản lý tư tưởng*”, nhằm duy trì ổn định xã hội và bảo vệ uy quyền của vương triều. Phật giáo thời Lý – Trần phát triển cực thịnh, được phong làm “*Quốc giáo*” và hòa thượng được phong phẩm như quan lại triều đình (Nguyễn Lang, 1973, tr. 128).

b. Giai đoạn thực dân - nửa thuộc địa

Thực dân Pháp cho phép hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ hạn chế và kiểm soát chặt chẽ. Họ phân biệt và chia rẽ giữa các tôn giáo để dễ cai trị. Phật giáo bị xem nhẹ, trong khi Thiên Chúa giáo được ưu ái. Các sắc lệnh và văn bản kiểm soát nhà chùa, tài sản tôn giáo, và quy định nhân sự tôn giáo được ban hành từ cấp Toàn quyền Đông Dương cho tới các tỉnh trưởng (Lê Minh Quốc, 2007).

c. Giai đoạn từ 1945 đến nay

Hiến pháp 1946, lần đầu tiên ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng cho công dân Việt Nam (Điều 10). Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và 2013 đều kế thừa và phát triển nguyên tắc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016 là văn bản pháp lý cao nhất hiện hành, quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ và cơ chế quản lý. Quản lý tôn giáo trong thời kỳ hiện đại

chuyển sang mô hình quản trị công, nhấn mạnh đối thoại, hỗ trợ và đồng hành hơn là kiểm soát.



Ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

3. Quản lý tôn giáo dưới góc nhìn Phật học

a. Truyền thống quản trị trong Phật giáo

Ngay từ thời đức Phật, Tăng đoàn đã có hệ thống quản trị nội bộ rất bài bản qua Luật Tỳ kheo (Vinaya), bao gồm hàng trăm giới điều nhằm giữ gìn giới luật, hòa hợp và đoàn kết nội bộ. Việc bổ nhiệm tăng sự, điều hành chùa chiền và xử lý tranh chấp đều được quy định rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc lục hòa.

b. Tinh thần tự trị của tổ chức tôn giáo

Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ luôn duy trì tính tự trị nội bộ, đặc biệt là trong các kỳ Đại hội Tăng già, bầu chọn giáo phẩm, phân chia khu vực hành đạo. Tuy nhiên, sự can thiệp quá mức của chính quyền vào nhân sự và hoạt động tôn giáo từng gây tranh cãi, điển hình là các mâu thuẫn trong việc bổ nhiệm trụ trì giai đoạn 1954–1963 tại miền Nam.

Từ góc nhìn Phật học, quản lý đúng đắn là “*quản trị đạo đức*”, không áp đặt, không độc tài, mà tạo điều kiện cho giới luật vận hành hài hòa với luật pháp thế gian.

4. Quản lý tôn giáo theo mô hình nhà nước pháp quyền

a. Cơ quan và phương thức quản lý

Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tôn giáo. Phòng Nội vụ các tỉnh/thành trực tiếp cấp phép và giám sát hoạt động tôn giáo tại địa phương.

Công an, An ninh văn hóa phối hợp đảm bảo an ninh tôn giáo.

Phương thức quản lý bao gồm:

Pháp lý: ban hành luật, nghị định, thông tư hướng dẫn.

Hành chính: kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại.

Đối thoại: tổ chức tọa đàm, hội nghị, hội thảo với chức sắc và tín đồ.

b. Nguyên tắc quản lý hiện đại

Trung lập tôn giáo: Nhà nước không lấy bất kỳ tôn giáo nào làm “*quốc giáo*”.

Bình đẳng tôn giáo: Không phân biệt giữa các tôn giáo lớn – nhỏ.

Tôn trọng sự khác biệt: Thừa nhận đặc thù tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số.



Ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

5. Trường hợp nghiên cứu: Quản lý Phật giáo tại Việt Nam

a. Giai đoạn 1951-1963: Tổng hội Phật giáo Việt Nam

Thành lập năm 1951, Tổng hội là nỗ lực đầu tiên nhằm thống nhất tổ chức Phật giáo toàn quốc, dưới sự chấp thuận của chính quyền Quốc gia Việt Nam. Tuy nhiên, các sắc lệnh và quy định hành chính (như Dự số 10) vẫn xem tôn giáo là “*hội đoàn dân sự*”, không có địa vị pháp lý riêng.

b. Giai đoạn 1964-1975: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

Giai đoạn này chứng kiến mâu thuẫn giữa tổ chức Phật giáo và chính quyền, điển hình là cuộc khủng hoảng Phật giáo 1963. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị lên án vì đàn áp tôn giáo. Sau đó, việc thành lập GHPGVNTN năm 1964 là kết quả của đối thoại, nhưng vẫn bị giám sát chặt.

c. Giai đoạn sau 1975 đến nay: Hợp nhất và nhà nước bảo hộ

Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981) là tổ chức Phật giáo duy nhất được công nhận chính thức. Mô hình quản lý hiện nay cho phép giáo hội tự chủ về nội dung tu học, nhân sự nội bộ, nhưng cần đăng ký các hoạt động với cơ quan nhà nước.

6. Kết luận

Khái niệm “*quản lý tôn giáo*” cần được hiểu đúng và đầy đủ dưới nhiều góc độ: pháp lý, lịch sử, tôn giáo học và hành chính công. Tôn giáo vừa là lĩnh vực tinh thần, vừa là đối tượng quản lý đặc thù, đòi hỏi sự thấu hiểu, minh bạch và đối thoại. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, quản lý tôn giáo tại Việt Nam cần tiếp tục cải cách theo hướng tôn trọng tự do tín ngưỡng, bảo vệ quyền con người, và thúc đẩy sự đóng góp tích cực của tôn giáo vào phát triển bền vững.

Mốc thời gian	Điều khoản	Nội dung chính
Hiến pháp 1946	Điều 10	Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng. Chưa phân biệt rõ với 'tự do tôn giáo'.
Hiến pháp 1959	Điều 26	Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Mở rộng quyền bao gồm cả quyền không theo tôn giáo.
Hiến pháp 1980	Điều 68	Công dân có quyền tự do tín ngưỡng; không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.
Hiến pháp 1992	Điều 70	Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; nơi thờ tự được bảo hộ.
Hiến pháp 2013	Điều 24	Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; mở rộng phạm vi áp dụng cho cả người nước ngoài và người không quốc tịch.

Tác giả: **Chánh Tâm Hạnh**

LB, MBA, NCS TS Học viện PGVN tại TP.HCM

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Minh Tâm (Chủ biên). (2018). Từ điển luật học Việt Nam. Nxb. Tư pháp.
2. Nguyễn Lang. (1973). Việt Nam Phật giáo sử luận (Tập 1). Saigon: Lá Bối.
3. Nguyễn Thị Thanh. (2021). Quản lý nhà nước về tôn giáo trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. (2013). Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.
5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. (2016). Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.
6. Nguyễn Hữu Dũng. (2017). Nhà nước và tôn giáo trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Nxb. Chính trị Quốc gia.

7. Trần Văn Độ. (2017). Bình luận Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016. Nxb. Hồng Đức.
8. Lê Minh Quốc. (2007). Các văn bản pháp luật thời Pháp thuộc. Nxb. Tư pháp.